

Số: /2026/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất
chương trình phát thanh, chương trình truyền hình**

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình có sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này là mức tối đa để hoàn thành việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm hao phí về nhân công, hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng và hao phí về vật liệu sử dụng.

2. Xác định chức danh lao động:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công áp dụng theo Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT; Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin; Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật; Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong các Thông tư quy định tại điểm a khoản này thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc tại các cơ quan không như quy định trong bảng định mức kinh tế - kỹ thuật thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc lao động tương đương hoặc hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế.

Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này.

d) Công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

đ) Trường hợp tác nghiệp, sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình trong điều kiện đặc biệt, nguy hiểm theo yêu cầu nhiệm vụ như cầu phát thanh, cầu truyền hình, tác nghiệp tại khu vực thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, xung đột vũ trang; khu vực có yếu tố rủi ro cao về an toàn, sức khỏe, điều kiện làm việc hoặc hạn chế tiếp cận, việc xác định mức hao phí phát sinh và lập, phê duyệt dự toán do đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị chủ quản quyết định theo thẩm quyền trên cơ sở pháp luật liên quan.

e) Trường hợp chương trình phát thanh, chương trình truyền hình được sản xuất trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số thì định mức hao phí nhân công đối với phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên và đạo diễn nhân với hệ số $k = 1,5$.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình không bao gồm:

- a) Chi phí truyền dẫn, phát sóng;
- b) Chi phí khách mời, chuyên gia; ca sỹ, diễn viên tham gia diễn xuất tiêu phẩm, ca kịch, kịch truyền thanh; hòa âm, phối khí của nhạc sỹ, nghệ sỹ;
- c) Các chi phí mua tài liệu, bản quyền, vật liệu trang trí trường quay, thiết kế mỹ thuật, hao phí điện, điện thoại giao dịch, chi phí vận chuyển (lương nhân công vận chuyển, công tác phí, lưu trú), lắp đặt bối cảnh, sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản trị, quản lý, văn phòng phẩm (trừ giấy A4, mực in);
- d) Các chi phí khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí về nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn của dịch vụ sự nghiệp công được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian 01 ngày làm việc (08 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng.

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí về máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng giờ sử dụng máy.

c) Hao phí về vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Tên định mức;

b) Mô tả nội dung công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, bao gồm:

- Định mức hao phí nhân công: Chức danh, hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Trị số định mức: Là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại bảng định mức.

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công kèm theo Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý và điều kiện ngân sách của cơ quan, đơn vị và địa phương.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền

hình theo từng thời kỳ, phù hợp với chính sách quản lý của nhà nước, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2026.
2. Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BTTTT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực báo chí thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoặc tổ chức áp dụng theo quy định tại Thông tư này.
4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.
5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, PTTH&TTĐT, BHC ⁽²⁵⁰⁾.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng